TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 11 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2025 về việc: "Ly hôn".

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn K, xã K, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 051169004847, cấp ngày 28/6/2021.

- Bị đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn K, xã K, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 045067003604, cấp ngày 28/6/2021.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 và ông Lê Đình T, sinh năm 1967.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969 (là nguyên đơn) và ông Lê Đình T, sinh năm 1967 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/1996 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Gia Lai). Nay nguyên đơn và bị đơn đều nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn và bị đơn tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Huỳnh Thị L và ông Lê Đình T có 02 con chung là Lê Thị Kim T1, sinh ngày 04/02/1992 và Lê Quang T2, sinh ngày 20/7/1994. Do con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Lê Đình T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí:

Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), bà Huỳnh Thị L và ông Lê Đình T mỗi người phải nộp là 75.000 đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị L tự nguyện chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Lê Đình T nên bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị L đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005420 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được tphi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 –Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai (đăng ký KH ngày 03/10/2016);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân Hòa